

Cầu kiều

Trần Lâm Phát

Đã hơn 30 năm không một ai hỏi tôi về ca dao tục ngữ, một nền văn học bình dân truyền khẩu của dân tộc ta ra đời trước nền văn chương bác học; bỗng dưng vào tháng 11 năm 2009, một giáo chức ở huyện Đất đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, cũng là cựu học sinh trường Trung Học Công lập Đất đỏ gọi điện cho tôi và xin giảng nghĩa từ “cầu kiều” trong hai câu ca dao:

Muốn sang thì bắt cầu **kiều**
Muốn cho hay chữ phải yêu kính thầy

Âm kiều có nhiều cách viết (chữ) và nghĩa khác nhau. Sau đây vài chữ kiều có thể liên hệ đến hai câu ca dao trên:

- Kiều 喬 là tính từ, nghĩa là cao mà cong (Tự điển Thiệu Chửu, tự điển Nguyễn quốc Hùng và tự điển của Bửu Kế).
- Kiều 嬌 là tính từ, nghĩa là mềm mại và đáng yêu (Tự điển Thiệu Chửu và tự điển Nguyễn quốc Hùng)
- Kiều 橋 là danh từ, nghĩa là cây cầu cong và cao (Tự điển Thiệu Chửu và tự điển Nguyễn quốc Hùng)

1. Đây là hai câu ca dao mà các thầy giáo và học sinh luôn luôn được nghe phụ huynh nhắc nhở. Theo lễ giáo ngày xưa “tôn sư trọng đạo” là 1 trong những điều mà xã hội ép buộc phải tuân theo. Phần lớn dân ta thất học cho nên văn học “bình dân truyền khẩu” là khí giới bén nhọn để giáo dục nhân dân; do đó, hai câu ca dao trên được quảng bá để giáo dục hậu sinh, bảo trì lễ giáo theo truyền thống “quân sư phụ”.

Ngày xưa các nhà quyền thế và quý phái đều có thủy tạ. Cây cầu để bắt qua các thủy tạ đều xây theo kiểu hình cong mà cao cho nó đẹp và biểu lộ sự sang trọng:

Muốn sang thì bắt cầu kiều.

2. Có người cho rằng cầu kiều lấy từ điển tích trong thời Tam Quốc (220-264). Tào Tháo ra lệnh xây đài trên bờ sông Chương ở quận Nghiệp (nay thuộc huyện Lâm Chương, tỉnh Hà Nam) để dưỡng tuổi già. Trong lúc đào móng, thợ bắt gặp một con chim sẻ bằng đồng nên Tào Tháo đặt tên đài là “Đồng Tước”. Đồng Tước gồm một đài chính và 2 đài phụ ở phía tây và phía đông gọi là Ngọc Long và Kim Phượng. Đài chính và 2 đài phụ được nối với nhau bằng 2 cây cầu vòng cung rất nguy nga tráng lệ. Con trai TàoTháo là Tào Thực (một thi tài lỗi lạc trong nhóm “Kiến An thất tử” thời đó) làm một bài phú để ca ngợi vẻ đẹp của đài này. Tào Thực làm bài “Đồng Tước đài phú”¹, trong đó có câu:

連二喬於東南兮

若長空之蠶蠨。

Liên nhị kiều ư đông tây hệ

Nhược trường không chi để đồng.

¹ Xem hai bài “Đồng Tước đài phú” đính kèm

Nghĩa là:

Bắt 2 cây cầu nối từ đông sang tây
Như cầu vòng ở giữa trời cao

Giả thuyết này cũng không có gì chắc chắn vì không ai rõ thời điểm xuất hiện hai câu ca dao. Có thể câu ca dao ra đời trước thời Tam quốc vì dân ta chịu ảnh hưởng sự giáo dục của Khổng Tử (551-479 trước tây lịch) từ lâu đời.

3. Phần lớn sinh viên Đại học Sư phạm Sài Gòn dùng tự điển Hán Việt của nhà sư Thiều Chửu làm tài liệu tham khảo chính.

Nếu chọn chữ kiều 橋 là cây cầu cong và cao (Tự điển Thiều Chửu và Nguyễn quốc Hùng) . Kiều là danh từ. Danh từ không thể bổ túc cho chữ cầu là danh từ đứng trước. Cho nên nó không phù hợp với lối cấu trúc của câu văn. Tuy nhiên, thời đó cú pháp có thể chưa có và dân gian có thể dùng câu kiều mà không biết nó sai cú pháp hay muốn nhấn mạnh cầu kiều và chỉ có ý ám chỉ sự sang trọng.

Nếu chọn chữ kiều 嬌 là tính từ, nghĩa là mềm mại và đáng yêu . Về cú pháp thì hợp lý, nó bổ túc cho danh từ cầu. Tuy nhiên “mềm mại và đáng yêu” không thể biểu lộ cho sự sang trọng.

Nếu chọn chữ kiều 喬 nghĩa là cao mà cong. Nó là tiếng tính từ, bổ túc cho danh từ cầu . Như thế nó đúng cú pháp và đọc “muốn sang thì phải bắt cây cầu cao mà cong”, và lại chữ kiều 喬 cũng được dùng trong điển tích Tào Tháo xây cầu chỉ sự sang trọng và đẹp đẽ. Hơn nữa tự điển Thiều Chửu ghi rằng Kinh Thi có viết: Xuất tự u cốc, thiên vu kiều mộc 出自幽谷迁于喬木 nghĩa là từ hang tối ra, thiên lên cây cao. Ý nói chim nó còn biết chọn chỗ cao mà cong, hướng chỉ người. Nay dùng hai chữ kiều thiên 喬 迁 để tỏ ý lên chốn cao thượng sáng láng.

Do đó tôi cho rằng chữ kiều 喬 là cao mà cong là hợp tình hợp lý.

Thông thường ca dao dùng thể so sánh trong câu lục để nhấn mạnh ý nghĩa và bắt cầu cho câu bát:

Thân em như tấm lụa đào
Phát phơ trước gió biết vào tay ai

Câu lục “Muốn sang thì bắt cầu *kiều*” mở đầu và gợi ý, bắt cầu cho câu bát nói lên sự tôn sư trọng đạo “Muốn cho hay chữ phải yêu kính thầy”

Virginia ngày 29-11-2009

Trần-Lâm Phát

銅雀臺賦²

從明後以嬉遊兮，登層臺以娛情。
見太府之廣開兮，觀聖德之所營。

建高門之嵯峨兮，浮雙闕乎太清。
立中天之華觀兮，連飛閣乎西城。
臨漳水之長流兮，望園果之滋榮。

立雙臺於左右兮，有玉龍與金鳳。³
連二橋於東西兮，若長空之蝮螻。

俯皇都之宏麗兮，瞰雲霞之浮動。
欣群才之來萃兮，協飛熊之吉夢。
仰春風之和穆兮，聽百鳥之悲鳴。

雲天互其既立兮，家願得乎雙逞。
揚仁化於宇宙兮，盡肅恭於上京。
惟桓文之為盛兮，豈足方乎聖明？

休矣美矣！惠澤遠揚。

翼佐我皇家兮，寧彼四方。

同天地之規量兮，齊日月之輝光。

永貴尊而無極兮，等君壽於東皇。

禦龍旂以遨遊兮，迴鸞駕而周章。
恩化及乎四海兮，嘉物阜而民康。

願斯臺之永固兮，樂終古而未央！

Phú đài Đồng Tước do Từ Vi Lang dịch

Noi đức sáng thánh quân rực rỡ,
Lên lầu đài hơn hớ lòng xuân.
Xem công Thái Thú chấn dân,
Đức cao vời đã thấm nhuần nơi nơi.

² From <http://zh.wikipedia.org/wiki/%E9%8A%85%E9%9B%80%E8%87%BA%E8%B3%A6>

³ Trong Tam quốc chí chính bản thì không có câu 6-9 và câu 16-20

Đồng tước đài phú

Tùng minh hậu dĩ hi du hề, đẳng tầng thai dĩ ngu tình.
Kiến thái phủ chi quảng khai hề, quan thánh đức chi sở
doanh.

Kiến cao môn chi tha nga hề, phù song khuyết hồ thái thanh.
Lập trung thiên chi hoa quan hề, liên phi các hồ tây thành.
Lâm chương thủy chi trường lưu hề, vọng viên quả chi tư
vinh.

Lập song thai vu tả hữu hề, hữu ngọc long dữ kim phượng.
Liên nhị kiều ư đông tây hề, nhược trường không chi đế
đồng

Phủ hoàng đô chi hoành lệ hề, khám vân hà chi phù động.

Hân quần tài chi lai tụy hề, hiệp phi hùng chi cát mộng.

Ngưỡng xuân phong chi hòa mục hề, thính bách điều chi bi
minh.

Vân thiên cẳng kỳ ký lập hề, gia nguyện đắc hồ song sính,

Dương nhân hoá ư vũ trụ hề, tận túc cung ư thượng kinh.

Duy hoàn văn chi vi thịnh hề, khởi túc phương hồ thánh
minh.

Hưu hì mỹ hì! huệ trạch viễn dương.

Dực tá ngã hoàng gia hề, ninh bi tứ phương

Đồng thiên địa chi quy lượng hề, tề nhật nguyệt chi huy
quang.

Vĩnh quý tôn nhi vô cực hề, đẳng quân thọ ư đông hoàng.

Ngự long kỳ dĩ ngao du hề, hồi loan giá nhi chu chương.

Ân hóa cập hồ tứ hai hề, giá vật phụ nhi dân kang.

Nguyện tư thai chi vĩnh cố hề, nhạc chung cổ nhi vị ương.

Trần-Lâm Phát phiên âm

Dựng lên giữa lòng trời xanh ngắt,
Đài nguy nga bát ngát không trung.
Mỹ quan nào kém non Bồng,
Gác cao, tây vực nhìn thông nẻo đòai.
Dòng Chương Thuỷ chảy dài trong suốt,
Tươi nhuận vườn cây tốt quả tươi...
Hai bên tả hữu hai đài:
Ngọc Long, Kim Phượng sáng ngời ánh dương.

**Bắc hai cầu tây đông nói lại
Như cầu vòng sáng chói không gian.**

Ngồi cao nhìn xuống cõi trần,
Đề đô mây ráng xoay vần nổi trôi...
Mừng rỡ thấy anh tài qui tụ,
Ứng mộng hùng chuyện cũ Văn Vương.
Gió xuân đầm ấm đưa hương,
Muôn chim đua hót du dương hài hoà.
Cao đẹp tựa trời mây muôn thửa,
Phúc nhà may chắt chứa dài lâu.
Khắp cùng vũ trụ nhiệm màu,
Đề cao nhân hoá, kính châu thượng kinh.
Noi Tề, Tấn nghĩ mình hưng thịnh,
Phò thánh minh cùng sánh công lao.
Xinh tươi bền vững biết bao!
Ôn sâu nước ngầm, đức cao xa đôn.
Phò tá đấng Chí Tôn gìn giữ
Xây thái bình thịnh trị bốn phương.
Phép trời khuôn đất đo lường.
Ánh trắng cùng với ánh dương điều hoà.
Tôn quý ấy truyền xa mãi mãi,
Thọ vô cùng, thọ với chúa Xuân!
Ngự long kỳ buổi an nhàn,
Hoặc khi vội vã, xe loan trở về.
Ôn giáo hoá tràn trề bốn biển
Vui mừng thay vật kiện dân khang!
Đài này đứng mãi hiên ngang,
Điểm tô kim cổ, son vàng thắm tươi...

Trong Thi Viên có đăng bài **Đồng tước đài phú**, tuy nhiên phần phiên âm hai câu có sự nhầm lẫn. Bài hán tự trích từ **Tam quốc diễn nghĩa**, nhưng bài phiên âm trích từ **bổn khác**:

攬二喬於東南兮，

樂朝夕之與共

Thi Viên phiên âm:

Liên nhị kiều vu đông tây hề,

Nhược trường không chi để đồng.

Thật ra câu trên phải đọc:

Lãm nhị Kiều vu đông tây hề,

Nhạc triều tịch chi dữ cộng (nghĩa là sáng chiều cùng nhau hưởng thú vui.)

銅雀臺賦⁴

從明後而嬉游兮，

登層臺以娛情。

見太府之廣開兮，

觀聖德之所營。

建高門之嵯峨兮，

浮雙闕乎太清。

立中天之華觀兮，

連飛閣乎西城⁵。

臨漳水之長流兮，

望園果之滋榮。

立雙臺於左右兮，

有玉龍與金鳳。

攬二喬於東南兮，

樂朝夕之與共⁶。

俯皇都之宏麗兮，

瞰雲霞之浮動。

欣群才之來萃兮，

協飛熊之吉夢。

仰春風之和穆兮，

聽百鳥之悲鳴。

天雲垣其既立兮，

Đồng Tước đài phú

Tòng minh hậu dĩ hì du hề,

Đặng tầng đài, dĩ ngu tình.

Kiến Thái phủ chi quảng khai hề.

Quan Thánh đức chi sở dinh

Kiến cao môn chi tha nga hề,

Phù song khuyết hồ Thái thanh.

Lập trung thiên chi hoa quan hề,

Liên phi các hồ Tây vục.

Lâm Chương thủy chi trường lưu hề,

Vọng viên quả chi tư vinh.

Lập song đài ư tả hữu hề,

Hữu Ngọc Long dữ Kim Phượng

Liên⁷ Nhị Kiều vu đông tây hề,

Nhược trường không chi để đồng.

Phủ hoàng đô chi hoành lệ hề,

Khám vân hà chi phù động.

Hán quần tài chi lai tuy hề.

Hiệp phi hùng chi cát mộng.

Ngưỡng xuân phong chi hoà mục hề.

Thính bách điều chi bi minh.

Vân thiên⁸ tuyên kỳ ký lập hề,

⁴ Trích từ <http://www.thivien.net/viewpoem.php?ID=15001>

⁵ chữ 城 đọc là thành, không phải là vục

⁶ 樂朝夕之與共 Phiên âm là Nhạc triều tịch chi dữ cộng không phải Nhược trường không chi để đồng

⁷ Chữ 攬 đọc là lãm nghĩa là nắm lấy, không phải là liên

家願得而獲逞。
揚仁化於宇內兮，
盡肅恭於上京。
惟桓文之為盛兮，
豈足方乎聖明！
休矣！美矣！
惠澤遠揚。
翼佐我皇家兮，
寧彼四方。
同天地之規量兮，
齊日月之暉光。
永貴尊而無極兮，
等年壽於東皇。
御龍旂以遨遊兮，
迴鸞駕而周章。
恩化及乎四海兮，
嘉物阜而民康。
願斯臺之永固兮，
樂終古而未央！

Gia nguyện đắc hồ song sinh.
Dương nhân hoá vu vũ trụ hề,
Tận túc cung vu thượng kinh.
Duy hoàn, văn chi duy thịnh hề,
Khởi túc phương hồ thánh minh.
Hưu hỹ! Mỹ hỹ!
Huệ trạch viễn dương.
Dực tá ngã hoàng gia hề.
Ninh bỉ tứ phương.
Đồng thiên địa chi qui lượng hề.
Tề nhật nguyệt chi huy quang.
Vĩnh quý tôn nhi vô cực hề.
Đẳng quân thọ ư đông hoàng.
Ngự long kỳ dĩ ngao du hề
Hồi loan giá nhi chu chương.
Tư hoá cập hồ tứ hải hề,
Gia vật phú nhi dân khương.
Nguyện tư đài chi vĩnh cô hề,
Lạc chung cổ nhi vị ương!

⁸ 天雲 đọc là Thiên vân , không phải vân thiên